

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	44,950 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	5.5%	7.7%	-

DT thuần	2024	YoY
11,906		▼ 1,288
tỷ VNĐ		▼ 9.8%

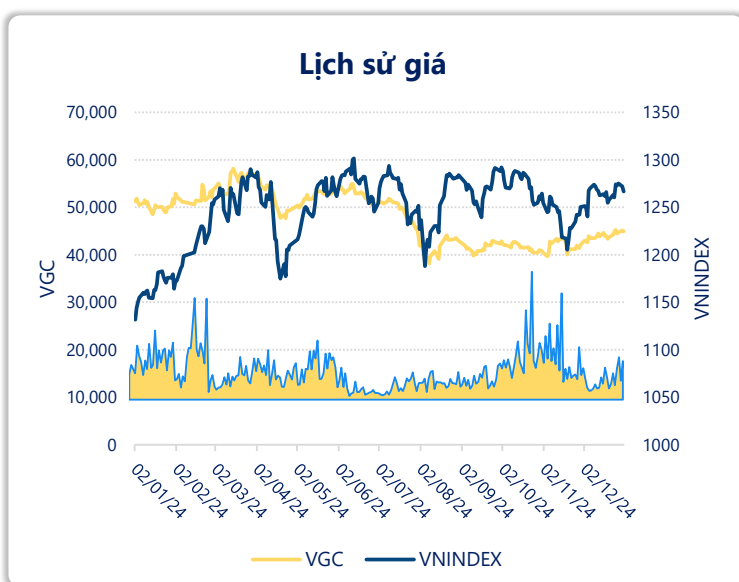
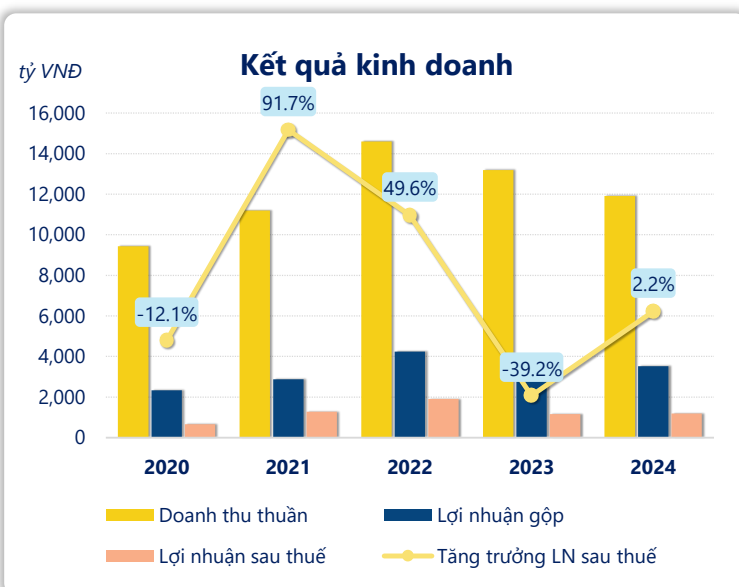
LN gộp	2024	YoY
3,517		▼ 2.00
tỷ VNĐ		▼ 0.1%

LN thuần	2024	YoY
1,602		▲ 8.00
tỷ VNĐ		▲ 0.5%

LN sau thuế	2024	YoY
1,188		▲ 26.0
tỷ VNĐ		▲ 2.2%

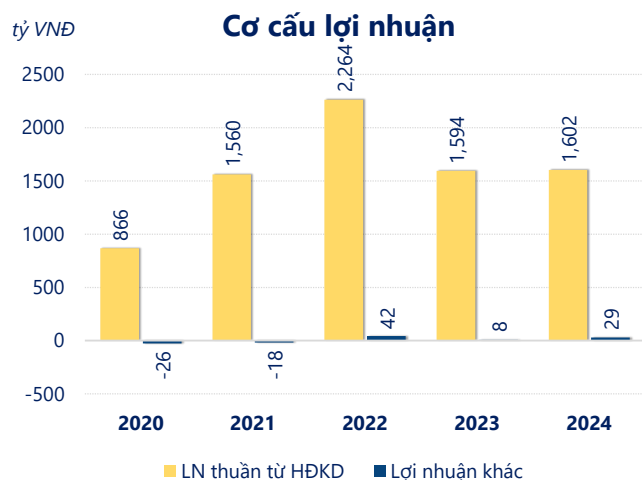
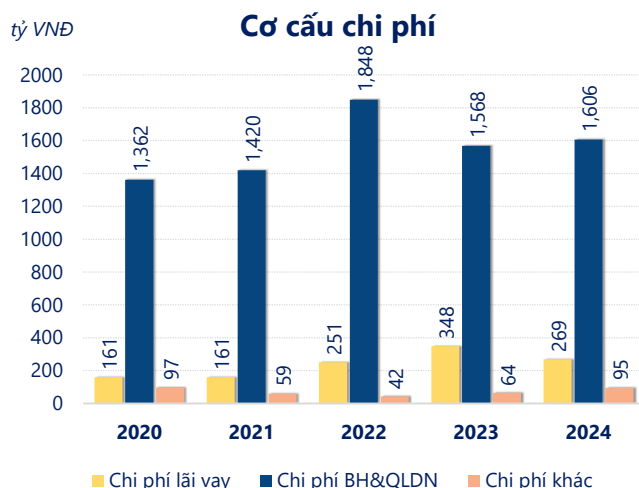
ROE	2024	+/- YoY
11.4%		▼ 1.8%

ROA	2024	+/- YoY
4.5%		▼ 0.7%



Năm **2024**, **VGC** ghi nhận doanh thu thuần **11,906** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **1,188** tỷ đồng, lần lượt **giảm 9.76%** và **tăng 2.18%** so với năm trước.

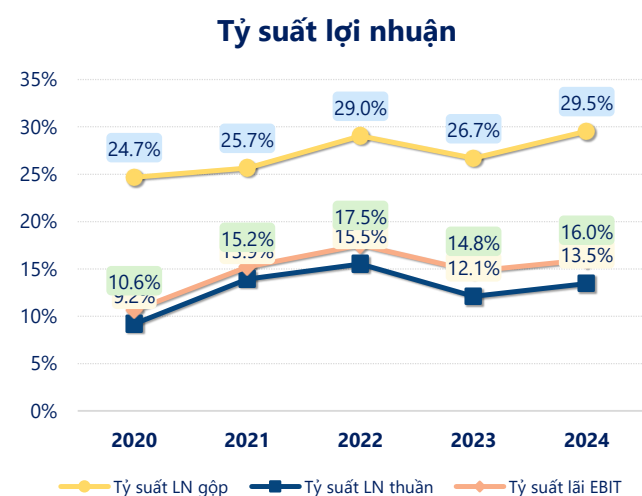
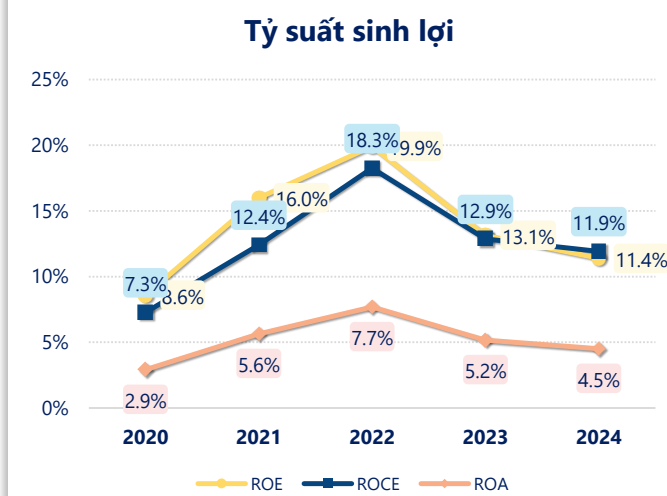
Mặc dù doanh thu thuần sụt giảm nhưng công ty vẫn đảm bảo sự tăng trưởng lợi nhuận sau thuế cùng với **ROE** đạt **11.4%**. Cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty được tối ưu.



Năm **2024**, **VGC** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **1,602** tỷ đồng, **tăng lên 7.66** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (1,577 tỷ đồng) là 24.61 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **268.9** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **1,606** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác bằng 95.28** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của VGC năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **11.4%**, **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.



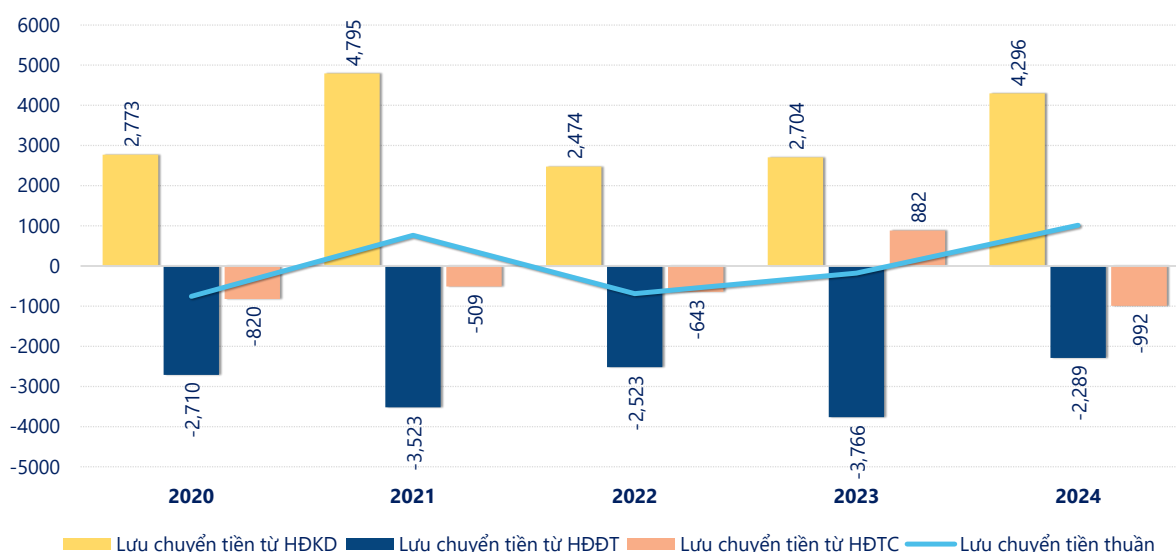
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	9,433	11,194	14,592	13,194	11,906
Giá vốn hàng bán	7,105	8,322	10,354	9,675	8,389
Lợi nhuận gộp	2,328	2,873	4,238	3,519	3,517
Doanh thu HĐTC	95.3	190	85.6	60.5	75.8
Chi phí TC	199	206	324	381	310
Chi phí lãi vay	161	161	251	348	269
LN trong công ty LKLD	4.27	123	112	-36.4	-74.8
Chi phí bán hàng	758	671	936	812	862
Chi phí QLDN	604	749	912	756	744
LN thuần từ HĐKD	866	1,560	2,264	1,594	1,602
Lợi nhuận khác	-25.7	-18.1	41.6	7.96	28.7
LN trước thuế	841	1,541	2,305	1,602	1,630
Lợi nhuận sau thuế	667	1,279	1,913	1,162	1,188
LNST của CĐ cty mẹ	601	1,224	1,728	1,218	1,105

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VGC bằng **1,015** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-180.4 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **4,296** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-2,289** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-991.9** tỷ đồng.